

Bắc Từ Liêm, ngày 04 tháng 11 năm 2022

Số: **443/2022/QĐST - HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 416/2022/TLST - HNGĐ ngày 24/10/2022 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trương Thị T - sinh năm 1993

* Bị đơn: Anh Lê Văn T1 - sinh năm 1987

Cùng HKTT: Thôn An Đạm, xã H, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Cùng hiện ở: Căn hộ 1808 , tòa N04 BT1 khu đoàn Ngoại Giao, phường X , Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 22/12/2015 tại UBND xã H, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trương Thị T và anh Lê Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung, cháu Lê Thục Quỳnh N – Sinh ngày: 15/01/2017. Giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T1 đóng góp nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T1 có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung, nhà ở:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trương Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0043438 ngày 24/10/2022. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THA dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã H, huyện Ân Thi, Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Dương Thị Thu Phượng